TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/DS-PT
Ngày: 17-9-2018
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng
Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2018 về việc kiện đòi lại tài sản.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2018/QĐ-PT ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L; Nơi cư trú tại: Thôn TN, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*:* Ông Đào T. Nơi cư trú tại: Thôn PT, xã PT, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2017).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th; Nơi cư trú tại: Thôn LH, xã LH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Xuân M; Nơi cư trú cuối cùng tại: Thôn ĐK, xã ĐP, huyện LH, Lâm Đồng. Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐH, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người làm chứng: bà Hoàng Thị Đ; Nơi cư trú tại: Thôn ĐS, xã LH, huyện LH tỉnh Lâm Đồng.

5. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L – nguyên đơn.

(các đương sự, người làm chứng có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào T cùng thống nhất trình bày: Ngày 19/9/2010 vợ chồng ông Â, bà L có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th 50 tấn phân bón NPK, trong đó có 25 tấn loại 16.16.8, đơn giá là 11.700đ/kg và 25 tấn loại 16.8.16, đơn giá là 11.600đ/kg, thành tiền là 582.500.000đ, việc mua bán hai bên thỏa thuận miệng với nhau, khi vợ chồng ông Â, bà L giao số lượng phân bón cho ông V thì ông Â có viết giấy biên nhận và ký nhận đủ 50 tấn phân bón NPK.Vợ chồng ông V, bà Th có hẹn miệng với vợ chồng ông Â, bà L thời hạn thanh toán tiền là sau 10 ngày đến nửa tháng kể từ ngày nhận phân bón. Sau đó vợ chồng ông Â, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà Th thanh toán tiền nhưng ông V, bà Th vẫn không thanh toán. Nay vợ chồng ông Â, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho vợ chồng ông Â, bà L số tiền mua phân bón còn nợ là 582.500.000đ. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th trình bày: Thực tế vợ chồng ông, bà không mua bán hay mượn phân bón của vợ chồng ông Â, bà Lmà ông Phạm Xuân M (là xui gia với vợ chồng ông Â, bà L) có nợ vợ chồng ông, bà số tiền hơn 700.000.000đ nhưng chưa trả được. Ông M có mua hay mượn của ông Â, bà L thì ông, bà không biết, với số lượng 50 tấn phân bón NPK để trả nợ cho vợ chồng ông, bà. Số phân bón này ông Â, bà L mua của bà Hoàng Thị Đ nên bà Đ cho người chở phân đến giao tận nhà cho vợ chồng ông, bà. Trước khi bà Đ giao phân bón cho vợ chồng ông, bà 02 ngày thì giữa ông, ông Â và ông M có thỏa thuận tại nhà bà Đ là ông M lấy phân của ông Â, bà L trả nợ cho vợ chồng ông, bà. Sau khi bà Đ chở phân bón NPK đến giao cho vợ

chồng ông, bà đến ngày 19/9/2010 ông Â viết giấy biên nhận đề nghị vợ chồng ông, bà ký xác nhận đã nhận đủ 50 tấn phân bón NPK để ông Â, bà L có cơ sở đòi nợ ông M. Do vậy, việc vợ chồng ông, bà ký giấy nhận phân bón với ông Â, bà L là do vợ chồng ông, bà lấy nợ từ ông M chứ không thỏa thuận mua phân bón của ông Â, bà L. Sau khi ông M trả cho vợ chồng ông, bà số lượng phân bón trên thì đến ngày 21/9/2010, giữa vợ chồng ông, bà và ông M đối chiếu công nợ, ông M xác nhận còn nợ lại vợ chồng ông, bà số tiền là 359.000.000đ (theo giấy vay tiền lập ngày 21/9/2010). Nay, vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L yêu cầu vợ chồng ông, bà trả cho ông Â, bà L số tiền mua phân bón còn nợ là 582.500.000đ thì vợ chồng ông, bà không đồng ý trả. Ngoài ra, vợ chồng ông, bà không trình bày gì thêm.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân M thì Tòa án đã tuyên bố mất tích theo quyết định số 05/2017/QĐDS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà và hiện không có mặt tại địa phương. Do vậy, Tòa án không tiến hành làm việc trực tiếp được với ông M và ông M cũng không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 10/01/2018, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền là 582.500.000đ tiền mua phân bón.

- Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L phải chịu 27.300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/0007091 ngày 18 tháng 11 năm 2015 và 200.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/0007470 ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Số tiền án phí vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L còn phải nộp là 9.100.000đ.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí 200.000đ đã được nộp theo biên lai thu số AA/2013/0007473 ngày

08 tháng 9 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/01/2018 ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung, có xác minh làm rõ hợp đồng mua bán phân và giá phân của Công ty TNHH Phát triển kinh tế TN để buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L toàn bộ giá trị 50 tấn phân đã nhận mua.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo hủy bản án dân sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm không xác minh điều tra làm rõ quan hệ mua bán phân bón của ông với Công ty TNHH phát triển kinh tế TN.

Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người làm chứng bà Hoàng Thị Đ trình bày và xác định theo thỏa thuận giữa ông Â, ông Vvà ông M thì bà có bán phân bón cho ông Â và trực tiếp đi giao số phân bón trên cho ông V. Sau đó ông Â thanh toán số tiền này, bà xác định số phân bón bà giao cho ông V là số phân bón ông Â trả nợ thay cho ông M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm

sát và qua xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn ông Â căn cứ vào Giấy biên nhận ghi ngày 19/9/2010 do ông Nguyễn Văn V ghi với nội dung *" Tôi Nguyễn Văn V cư trú tại Thôn LH, xã LH, LH, Lâm Đồng có nhận của chú Â TN, ĐP, LH, Lâm Đồng 50 tấn phân trong đó có 25 tấn 16-16-8, 25 tấn 16-8-16 , tổng cộng là 50 tấn"* ký tên Nguyễn Văn V để yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th thanh toán cho ông số tiền 582.500.000đ là tiền phân bón NPK mà ông đã bán cho ông V theo giấy biên nhận ngày 19/9/2010 (BL 51). Tuy nhiên bị đơn vợ chồng ông V, bà Th không thừa nhận có quan hệ mua bán 50 tấn phân bón hóa học đối với ông Â, đồng thời trình bày ông thừa nhận có viết giấy biên nhận 50 tấn phân hóa học của ông Nguyễn Văn Â, nhưng số phân nói trên do bà Hoàng Thị Đ là chủ Đại lý phân bón Hoàng Thị Đ tại Thôn ĐS, xã LH, huyện LH giao, khi nhận phân ông không viết giấy cho bà Đ vì số phân nói trên xuất phát từ thỏa thuận giữa ông, ông Â và ông Phạm Xuân M. Theo bị đơn trình bày thì nguyên nhân do trước đó ông M có nợ vợ chồng ông V một khoản tiền gần 1 tỷ đồng do giữa ông Â và ông M là sui gia nên ông Â cho ông M mượn 50 tấn phân bón mua của bà Đ để trả cho vợ chồng ông V. Sau khi nhận phân xong thì giữa vợ chồng ông V và ông M có đối chiếu nợ, khoản nợ còn lại của ông M là 359.000.000đ, bị đơn vợ ông V xuất trình 01 giấy vay tiền ghi ngày 21/9/2010 âm lịch do ông M ký (BL19). Sau đó ông Phạm Xuân M đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2011 được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà tuyên bố mất tích tại Quyết định dân sự sơ thẩm số 05/2011/QĐDS-ST ngày 29/9/2017 (BL 186-187). Nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể lấy lời khai của ông M trong hồ sơ vụ án. Qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đồng thời đối chiếu với lời trình bày và chứng cứ do bà Hoàng Thị Đ là người có quan hệ mua bán phân bón với ông Nguyễn Văn Â trình bày và xuất trình, HĐXX phúc thẩm thấy rằng đối với nguyên đơn ông Â khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền mua bán của 50 tấn phân hóa học nhưng chứng cứ nguyên đơn xuất trình không thể hiện các thỏa thuận liên quan đến giao dịch mua bán như thỏa thuận mua bán, chủng loại phân, đơn giá và thành tiền tại thời điểm giao dịch. Hơn nữa lời trình bày của nguyên đơn không thống nhất lúc thì trình bày là mua bán phân bón cho vợ chồng ông V (BL01) lúc thì trình bày là cho vợ chồng ông V vay 50 tấn phân NPK (BL14). Phía bị đơn vợ chồng ông V không thừa nhận có quan hệ giao dịch mua bán phân bón với ông Â và không thừa

nhận quan hệ vay phân bón như nguyên đơn trình bày, đồng thời cho rằng giữa ông Â, ông M và ông có sự thỏa thuận đối với việc xử lý khoản nợ của ông M bằng hình thức ông Â cho ông M mượn 50 tấn phân từ đại lý bà Hoàng Thị Đ nhưng lại không xuất trình được chứng cứ để chứng minh sự thỏa thuận này. Tuy nhiên qua lời trình bày và xác nhận của bà Đ và chứng cứ do bà Đ cung cấp thì giữa bà Đ và ông Â có giao dịch mua bán phân bón nhiều lần từ ngày 18/9/2010 đến ngày 23/9/2010 có ký xác nhận của ông Â (BL 213), đối chiếu với Giấy biên nhận ghi ngày 19/8/2010 (BL 20) thì hoàn toàn phù hợp với số lượng phân bón NPK và thời gian mà bà Đ đã giao cho ông V. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xuất trình 01 hợp đồng kinh tế giữa ông với Công ty TNHH Phát triển kinh tế TN để chứng minh ông là đại lý có quan hệ mua bán phân bón với công ty nhưng chứng cứ này không chứng minh được giữa ông với ông V có quan hệ mua bán phân bón nên không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện sát nhân tỉnh Lâm Đồng phân tích đánh giá các chứng cứ do các bên xuất trình và lời trình bày của các bên, qua đó đã đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Từ những nhận định trên HĐXX thấy rằng cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L về yêu cầu đòi lại tài sản số tiền 582.500.000đ đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th.

Về án phí: Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 10/01/2018, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà khấu trừ khoản tiền 200.000đ ông Nguyễn Văn Â đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/0007470 ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và tuyên trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí 200.000đ đã được nộp theo Biên lai thu số AA/2013/0007473 ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên hai khoản tiền này đã đượcc tuyên trả lại cho các đương sự theo Bản án dân sự phúc thẩm số 125/2016/DS-PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Do vậy cần sửa bản án dân sự sơ thẩm đối với phần án phí như đã nhận định.

Do sửa bản án sơ thẩm có liên quan đến yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th.

Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đối với phần án phí.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền là 582.500.000đ *(Năm trăm tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền mua phân bón.

2.Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L phải chịu 27.300.000đ (Hai mươi bảy triệu, ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.300.000đ *(Mười tám triệu, ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/0007091 ngày 18 tháng 11 năm 2015 và Biên lai thu số AA/2016/000358 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Â, bà Trần Thị L còn phải nộp 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng